TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29-5-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Quốc Văn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lý Quốc C

2. Ông Nguyễn Tấn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau *tham gia phiên tòa*: Ông Võ Hồng Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 94/2019/TLST – HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 25 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Mười M (có mặt).

2. Bị đơn: Chị Trần Thị T (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp A, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 3 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn Mười M trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị T được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thới Bình ngày 14-10-2005. Thời gian chung sống đến năm 2016, biết được chị T nhắn tin cho người thanh niên khác, anh M có đánh chị T nên chị bỏ nhà đi sau đó thì quay về, đến năm 2017 chị T tiếp tục bỏ nhà đi cho đến nay, gia đình hai bên không có hàn gắng để anh chị đoàn tụ,

anh M xét thấy không thể tiếp tục chung sống với chị T được nữa nên anh yêu cầu ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị T có hai người con chung là Nguyễn Chí C, sinh ngày 02-9-2005 và Nguyễn Như H, sinh ngày 07-10-2007, hiện do anh M nuôi dưỡng. Trường hợp ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp cho chị T nhưng chị không có ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thực hiện đúng quy định của pháp luật; về nội dung vụ án thì các yêu cầu của anh M về hôn nhân, về con chung là có cơ sở chấp nhận, về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung anh M không yêu cầu nên không xét, về nợ chung: Không có. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm anh M phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc anh M yêu cầu ly hôn với chị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Chị T được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự này.

Về nội dung vụ án:

[1] Về hôn nhân: Anh M và chị T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn theo quy định nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Do không tin tưởng nhau, vợ chồng chung sống không hạnh phúc nên anh, chị đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay, gia đình hai bên không có hàn gắn để anh, chị đoàn tụ. Điều đó cho thấy hôn nhân của anh M và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Xét về tình trạng

hôn nhân và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình về nội dung vụ án là có cơ sở nên chấp nhận yêu cầu của anh M được ly hôn với chị T.

[2] Về con chung: Anh M yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng các con chung. Xét thấy, các cháu C và H đang sống ổn định cùng với anh M và có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với anh M nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của anh M, anh M không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh M phải chịu số tiền là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do anh M đã nộp tạm ứng án phí nên được đối trừ không phải nộp tiếp.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Trần Thị T.

Áp dụng khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Mười M và chị Trần Thị T được ly hôn.

[2] Về con chung: Giao các cháu Nguyễn Chí C, sinh ngày 02-9-2005 và Nguyễn Như H, sinh ngày 07-10-2007 cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh M phải chịu số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Ngày 07-3-2019 anh M đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006006 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được đối trừ chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Anh M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được nhận hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Quốc Văn